

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 27/2019/HS-ST

Ngày 23/12/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Thắng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Nghiêm và ông Phạm Hồng Chương.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thanh Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/12/2019 tại hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2019/TLST - HS ngày 02/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST - HS, ngày 10 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam. Sinh ngày 29 tháng 01 năm 1985. Nơi sinh: Xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Trần Văn T, sinh năm 1961, nghề nghiệp: Làm ruộng. Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1964, nghề nghiệp: Làm ruộng. Hiện đều trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Vợ, con: Chưa có. Anh, chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 2 tiền án.

- Ngày 24/11/2008, bị Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hà Nội, xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 25/3/2009, bị Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt của hai bản án, buộc Trần Văn T phải chấp hành 7 năm 9 tháng tù, đến ngày 04/3/2015 thì chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích).

- Ngày 27/10/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xác định tái phạm, xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”,

theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự, đến ngày 07/10/2018 thì chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giam từ ngày 04/10/2019 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, có mặt tại phiên tòa, sức khỏe bình thường và tự bào chữa.

*** Bị hại:**

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Bùi Như H, sinh năm: 1954; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Vắng mặt.

- Ông Lê Văn L, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 28/9/2019, Trần Văn T điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 37H2 - 6007 (mượn của ông Lê Văn L, trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An) đi đến khu vực phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An gặp một người đàn ông mà T khai tên là H, rồi cả hai cùng đi đến nhà một người mà T khai tên là Đ ở thị trấn Đ, huyện Đức Thọ mua 200.000 đồng Heroine để sử dụng.

Đến khoảng 07 giờ 50 phút cùng ngày, khi T và H đi đến chợ H, thị trấn Đ, thì T nhìn thấy chiếc xe máy điện, nhãn hiệu Sonik, biển kiểm soát 38MĐ2 - 008.49 của ông Nguyễn Văn L, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đức Thọ đang dựng phía trước cửa nhà, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa điện. Quan sát không thấy người trông coi, nên nảy sinh ý định lấy trộm. T bảo H đứng ngoài chờ, còn T đi vào mở ổ khóa điện và điều khiển chiếc xe máy điện lấy trộm được đến tiệm cầm đồ của ông Bùi Như H, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ. Khi gặp ông H, T nói: *Cầm cho cháu chiếc xe máy điện, giá một triệu đồng.* Ông H hỏi: *Xe của ai, giấy tờ xe đâu.* T trả lời: *Xe của em cháu, giấy tờ xe không mang theo.* Nghe vậy, ông H không hỏi gì thêm và đồng ý nhận cầm cố chiếc xe máy điện với giá 1.000.000 đồng. Số tiền cầm cố chiếc xe máy điện, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/KLĐG-HĐĐGTS ngày 01/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, xác định: Chiếc xe máy điện nhãn hiệu Sonik, sơn màu xanh - đen, trị giá 5.600.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 24/CT- VKSDT ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án tù từ 36 đến 42 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2019.

Về dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị hại ông Nguyễn Văn L không có yêu cầu bồi thường gì thêm và người liên quan ông Bùi Như H cũng không có yêu cầu bồi thường gì.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra đã xác định được, chiếc xe máy điện nhãn hiệu Sonik, sơn màu xanh - đen, biển kiểm soát 38MĐ2 - 008.49 là của anh Nguyễn Văn Đ đã tặng cho ông Nguyễn Văn L (bố của Đ), nhưng chưa làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu. Còn chiếc xe mô tô nhãn hiệu CPI, sơn màu xanh, biển kiểm soát 37H2 - 6007 là của ông Lê Văn L cho Trần Văn T mượn làm phương tiện đi lại, nhưng quá trình T sử dụng chiếc xe mô tô làm phương tiện phạm tội, ông L không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại hai chiếc xe trên cho các chủ sở hữu.

- Truy thu sung quỹ nhà nước 1.000.000 đồng (một triệu đồng) của bị cáo là số tiền do phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng xét thấy họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ và việc vắng mặt của họ không làm cản trở việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án.

[2]. Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng pháp luật.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, tang vật thu hồi và các tài liệu, chứng cứ có tài hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định vào khoảng 07 giờ 50 phút ngày 28/9/2019, tại tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, Trần Văn T lợi dụng chủ sở hữu sơ hở trong quản lý tài sản, đã lén lút lấy trộm chiếc xe máy điện, nhãn hiệu Sonik, biển kiểm soát 38MĐ2 - 008.49, trị giá 5.600.000 đồng của ông Nguyễn Văn L, cầm cố lấy số tiền 1.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đang có hai tiền án: Ngày 24/11/2008, bị Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hà Nội, xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự. Ngày 25/3/2009, bị Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai bản án, buộc Trần Văn T phải chấp hành 7 năm 9 tháng tù, đến ngày 04/3/2015 thì chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích). Ngày 27/10/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xác định tái phạm, xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự, đến ngày 07/10/2018 thì chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích) nên lần phạm tội này bị cáo bị truy tố theo tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có một tình tiết giảm nhẹ hình phạt là “khai báo thành khẩn” nên khi lượng hình cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4]. Quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó không chỉ gây ra thiệt hại về mặt vật chất của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, việc xét xử công khai và lên mức án tương xứng cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như quan điểm của Kiểm sát viên là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5]. Về xem xét trách nhiệm của người liên quan trong vụ án:

Trong vụ án này, người đàn ông mà bị cáo Trần Văn T khai tên H ở phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An đi cùng vào thị trấn Đ và người đàn ông tên Đ ở thị trấn Đ, huyện Đ đã bán ma túy cho bị cáo, do còn thiếu thông tin, nên không có căn cứ xác minh, làm rõ.

Còn ông Bùi Như H là người đã nhận cầm cố chiếc xe máy điện do bị cáo Trần Văn T lấy trộm được, nhưng ông H không biết được nguồn gốc tài sản này là do trộm cắp mà có, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Về dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, người bị hại ông Nguyễn Văn L không có yêu cầu bồi thường gì thêm và người liên quan ông Bùi Như H cũng không có yêu cầu bồi thường gì nên miễn xét.

[7]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Quá trình điều tra đã xác định được, chiếc xe máy điện nhãn hiệu Sonik, sơn màu xanh - đen, biển kiểm soát 38MĐ2 - 008.49 là của anh Nguyễn Văn Đ đã tặng cho ông Nguyễn Văn L (bố của Đ), nhưng chưa làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu. Còn chiếc xe mô tô nhãn hiệu CPI, sơn màu xanh, biển kiểm soát 37H2 - 6007 là của ông Lê Văn L cho Trần Văn T mượn làm phương tiện đi lại, nhưng quá trình T sử dụng chiếc xe mô tô làm phương tiện phạm tội, ông L không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại hai chiếc xe trên cho các chủ sở hữu là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) bị cáo có được do thu lợi bất chính từ việc phạm tội như quan điểm của Kiểm sát viên là hoàn toàn phù hợp.

[8]. Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm g Khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 3, Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 40 (bốn mươi) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 04/10/2019.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) của bị cáo có được do thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

3. Về án phí: Xử buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đ;
- CQ CSĐT Công an huyện Đ;
- CQ THAHS Công an huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đ;
- Bị cáo, bị hại; người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Lê Việt Thắng